

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 22/7/2019.

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Miên Kim.

2. Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 195/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14/5/2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 08/7/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Cẩm T

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

*** Bị đơn:** Ông Phạm Bá N

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Ấp E, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện** ngày 10/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

- Về Quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Bá N kết hôn với nhau theo tình thân tự nguyện ngày 16/2/2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 06/2/2017. Lúc đầu sống rất hạnh phúc và trong thời gian chung sống thì ông bà cũng có cự cãi nhau nhưng sau đó ông bà đã đoàn tụ, đến tháng 02/2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông bà sống chung không cùng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, khi vợ chồng có mâu thuẫn thì cha mẹ hai bên không dàn xếp mà lại tiếp tục có mâu thuẫn nhau và ông bà sống ly thân từ ngày 24/2/2019 cho

đến nay. Sau khi ly thân thì gia đình hai bên và ông bà không có gặp nhau để bàn bạc. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông bà có 01 con chung là cháu chắt Phạm Nguyễn Thúy K, sinh ngày 17/12/2016, hiện nay cháu K đang sống chung với bà; Nếu ly hôn thì bà yêu cầu nuôi cháu K và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy khai và biên bản hòa giải cùng ngày 17/6/2019, bị đơn ông Phạm Bá N trình bày:

- Về Quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Cẩm T hôn trên tinh thần tự nguyện ngày 16/2/2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 06/2/2017. Lúc đầu sống rất hạnh phúc và trong thời gian chung sống thì ông bà cũng có cự cãi nhau nhưng sau đó ông bà đã đoàn tụ, đến tháng 02/2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông bà không tin tưởng nhau trong cuộc sống, nên thường xuyên cãi vả qua lại và có xô xát nhau dẫn đến ông bị gãy tay phải mổ nhưng bà T và gia đình bên vợ không đến thăm và sau đó bà T về nhà cha mẹ ruột sống và ông bà sống ly thân từ ngày 24/2/2019 cho đến nay. Sau khi ly thân thì gia đình hai bên và ông bà không có gặp nhau để bàn bạc. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông bà có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Thúy K, sinh ngày 17/12/2016, hiện nay cháu K đang sống chung với bà T; Nếu ly hôn thì ông yêu cầu nuôi cháu K và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81 khoản và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung cho bà Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Bá N là bị đơn trong vụ án không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Bá N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Phạm Bá N kết hôn trên tinh thần tự nguyện ngày 16/2/2015, không ai ép buộc và ông bà có đăng ký kết hôn đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống do bất đồng về quan điểm, vợ chồng không tình nguyện nhau, ông bà bất hòa, thường xuyên cãi vã qua lại, có xô xát nhau nên ông N bị thương, khi bị thương thì bà T và gia đình bên bà T không đến thăm nom, chăm sóc ông N và kể từ ngày 24/02/2019 thì bà T về nhà cha mẹ ruột sống và ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân gia đình hai bên và ông bà không có gặp nhau bàn bạc cũng như sau khi Tòa án đã thụ lý có mời hai bên đến hòa giải nhiều lần và có thời gian để hai ông bà tìm biện pháp để ông bà hàn gắn lại, nhưng đến thời điểm này cả hai người cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại tòa hôm nay, bà T cho rằng không còn thương ông N, nên bà kiên quyết ly hôn với ông N và tại biên bản lấy khai và biên bản hòa giải cùng ngày 17/6/2019 phía ông N cũng đồng ý ly hôn với bà T và cũng không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà thực sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Phạm Bá N.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Phạm Bá N thừa nhận ông bà sống chung có 01 người con chung là cháu cháu Phạm Nguyễn Thúy K, sinh ngày 17/12/2016. Tại tòa và tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng ngày 17/6/2019 thì ông N và bà T đều yêu cầu nuôi cháu K và không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. **Xét thấy**, Từ nhỏ và hiện tại cháu K đang sống với bà T nên rất mến tay mến chân và bản thân bà T cũng là người công dân tốt, không có vi phạm đạo đức xã hội, làm ăn lương thiện có thu nhập ổn định, tại thời điểm xét xử cháu K dưới 36 tháng tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cháu K cho bà T nuôi dưỡng là đúng theo quy định trên, nên yêu cầu nuôi con của ông N là không có căn cứ chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông N không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị định số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Cẩm T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; ông Phạm Bá N không phải chịu án phí.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho bà Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 của Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1 và khoản 3 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Phạm Bá N.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Phạm Nguyễn Thúy K, sinh ngày 17/12/2016 cho bà Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên;

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi cháu K;

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông N không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Cẩm T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008534, ngày 10/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Phạm Bá N không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Phạm Bá N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng.
- VKSND huyện Kế Sách.
- Chi cục THADS huyện K.
- Các bên đương sự.
- UBND xã T.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Phụng